

E1 看图作文



看图选择正确的答案 kàn tú xuǎn zé zhèng què de dá àn
Match words and pictures.

煎鱼 jiān yú	捣碎 dǎo suì	辣椒 là jiāo	切菜 qiē cài	厨房 chú fáng
拿牛奶 ná niú nǎi	电视 diàn shì	冰箱 bīng xiāng	吃面包 chī miàn bāo	饭桌 fàn zhuō

	人物 	活动 	地点 / 时间 / 原因 
1.	姐姐		
2.	爸爸		
3.	我		
4.	妈妈		
5.	弟弟		